

Bản án số: **342/2022/HS-ST**

Ngày: 22 - 11 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Rực

*Các Hội thẩm nhân dân:*

. Ông Hình Ích Trí.

. Ông Nguyễn Xuân Vinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Việt Hà- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Tấn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 352/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

**Trần Thị Thu Th** - sinh năm 1988 tại Khánh Hòa; ĐKKHKT: Tổ 9, thị trấn VG, huyện VN, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: 14C đường 10A, tổ 1 khu phố 2, thị trấn CC, huyện CC, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T (chết) và bà Võ Thị Bạch T- sinh năm 1966, có 01 con sinh năm 2005; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2022. Có mặt.

**- Bị hại:** Nguyễn Thanh Nh- sinh năm 1978; địa chỉ: Khu phố 3, phường PT, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Nguyễn Hữu T- sinh năm 1959; địa chỉ: Khu phố 4, phường LĐ, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

+ Nguyễn Thị P- sinh năm 1959; địa chỉ: Khu phố 4, phường LĐ, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

+ Văn Tuấn A- sinh năm 1982; địa chỉ: 17 TĐ, phường PL, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Dương Minh H- sinh năm 1986; địa chỉ: 439/39 LHP, phường PL, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Nguyễn Thị K- sinh năm 1960; địa chỉ: Hẻm 420 ĐM 2, phường PL, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Nguyễn Thị Ko- sinh năm 1955; địa chỉ: Hẻm 420 ĐM, phường PL, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Nguyễn Thị Km- sinh năm 1957; địa chỉ: 437/39 LHP, phường PL, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Sử Khắc Tr- sinh năm 1979; địa chỉ: 406 LHP, phường PL, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Nguyễn Văn H- sinh năm 1958; địa chỉ: 326/15 LHP, phường PL, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Mai Thanh Tn- sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 12 TN 1, phường VH, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

+ Trần Văn X- sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 3 PT, phường PL, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/3/2008, chị Nguyễn Thị N ở vừa cá “HP”, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận ủy quyền cho anh Nguyễn Thanh Nh (nhân viên giao hàng) đến Công ty F17 NT nhận tiền bán cá số tiền 295.016.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong, anh Nh không về lại Bình Thuận mà rủ bạn đi ăn uống, trong đó có Văn Tuấn A và nhờ Tuấn A giữ hộ số tiền trên. Đến khoảng 01 giờ ngày 21/3/2008, Nh nhờ Tuấn A tìm gái bán dâm nên Tuấn A chở Nh đến quán trứng vịt lộn trên đường LHP, phường PL, thành phố N gặp bà Nguyễn Thị K (chủ quán), Dương Minh H (con bà K) và Trần Thị Thu Th (gái bán dâm). Lúc này Tuấn A nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trên của Nh nên Tuấn A bàn với Th sẽ trộm tiền của Nh sau khi bán dâm xong thì Th đồng ý. Sau đó Tuấn A đưa lại túi tiền cho Nh rồi nhờ H chở Nh và Th đến khách sạn ĐX địa chỉ: 326/15 LHP, phường PL, thành phố N để quan hệ. Sau đó Tuấn A chở D (chưa xác định lai lịch) đi theo sau và thuê phòng cạnh phòng của Nh để tiếp ứng cho Th. Sau khi quan hệ xong và chờ Nh ngủ say thì Th đã lấy trộm túi tiền của Nh (để dưới đầu giường) rồi đi ra đưa cho Tuấn A và cả ba quay lại nhà bà K tại 439/39 LHP, phường PL, thành phố N. Tại đây, Tuấn A lấy tiền từ túi vừa trộm được ra chia cho bà K và H số tiền 62.000.000 đồng và dặn không nói cho ai biết. Bà K đưa cho H 2.000.000đ để H mua điện thoại sử dụng còn bản thân cất giấu 60.000.000 đồng. Số tiền còn lại Tuấn A, Th và D chia nhau. Sau đó bà Nguyễn Thị Ko (người phụ bán với bà K) về nên Tuấn A cho bà Ko 8.000.000 đồng để mua sữa cho cháu. Tuấn A và D về phòng trọ ngủ, còn Th bỏ trốn. Đến sáng ngày 21/3/2008, anh Nh ngủ dậy phát hiện bị mất tài sản nên trình báo với Cơ quan công an. Sau khi nghe tin Nh báo công an, Tuấn A và D đưa 97.400.000 đồng nhờ bạn là Sử Khắc Tr mang đến giao nộp cho Cơ quan công an, sau đó Tuấn A và D bỏ trốn khỏi địa phương.

Đến ngày 22/4/2022, Trần Thị Thu Th bị bắt theo quyết định truy nã tại thị trấn CC, huyện CC, thành phố Hồ Chí Minh.

Vật chứng: 165.400.000 đồng cùng với 01 điện thoại di động đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại Bản án hình sự số 204 ngày 13/8/2009 của Tòa án nhân dân thành phố N, Nguyễn Thanh Nh và Văn Tuấn A đã thỏa thuận về bồi thường dân sự.

Bản Cáo trạng số 294/CT-VKSNT ngày 05 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố N để xét xử Trần Thị Thu Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thị Thu Th theo tội danh, khung hình phạt như trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên phạt bị cáo từ 07 năm đến 08 năm tù.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Thu Th thừa nhận vào khoảng 04 giờ ngày 21/3/2008, tại khách sạn ĐX; địa chỉ: 326/15 LHP, phường PL, thành phố N, Th cùng với Văn Tuấn A đã trộm cắp 295.016.000 đồng của anh Nguyễn Thanh Nh. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Biên bản tiếp nhận sự việc, Biên bản nhận dạng, Biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng thu giữ được và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là trước ngày 01/01/2018- ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, bị cáo đã bị khởi tố về tội trộm cắp tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng quá trình điều tra bị cáo trốn tránh. So sánh điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 với điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 thì thấy tương đương; căn cứ Điều 2 Nghị quyết

41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, nhận thấy bản Cáo trạng số 294/CT-VKSNT ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa truy tố Trần Thị Thu Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo Trần Thị Thu Th là nguy hiểm, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất ổn định trật tự xã hội ở địa phương. Quá trình điều tra bị cáo trốn tránh gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố. Vì vậy phải xử lý nghiêm minh, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản phạm tội đã được thu hồi phần lớn trả cho bị hại, bị cáo không có tiền án, tiền sự. So sánh điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 với điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 thấy tương đương. Nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, tích cực cải tạo, sớm trở thành công dân tốt.

[4] Đối với Văn Tuấn A, người cùng Trần Thị Thu Th thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (ngày 21/3/2008) đã bị xử phạt 07 năm tù theo Bản án số 204/2009/HS-ST ngày 13/8/2009 của Tòa án nhân dân thành phố N.

Hành vi của Nguyễn Thị K, Dương Minh H đã bị xử lý theo Bản án số 202/2008/HS-ST ngày 25/8/2008 của Tòa án nhân dân thành phố N cùng về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (K- 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án; H- 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án).

Nguyễn Thị Ko đã giao nộp 8.000.000 đồng (được Văn Tuấn A cho); Nguyễn Thị Km giao nộp 60.000.000 đồng (do Nguyễn Thị K nhờ giữ hộ); Sử Khắc Tr giao nộp 97.400.000 đồng (do Văn Tuấn A nhờ gửi cơ quan công an) cho Cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại. Tại phiên tòa, bà Ko, bà Km, ông Tr vắng mặt nhưng có lời khai không yêu cầu bồi thường gì nên không xét.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự, bồi hoàn: Bản án số 204/2009/HS-ST ngày 13/8/2009 của Tòa án nhân dân thành phố N quyết định: Bị cáo Văn Tuấn A có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Thanh Nh số tiền 127.600.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bị hại Nguyễn Thanh Nh, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn Tuấn A, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị P (ông T, bà P là chủ vợ cả HP) vắng mặt nên trách nhiệm bồi thường, bồi hoàn tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi bị hại Nguyễn Thanh Nh, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn Tuấn A, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị P có yêu cầu. Bị cáo Th có lời khai không thống nhất về số tiền trộm cắp được chia và cũng không có tài liệu, chứng cứ nào xác định được nên không có căn cứ để truy thu tiền thu lợi bất chính đối với Trần Thị Thu Th.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Thu Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Thị Thu Th.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu Th 07 (bảy) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/4/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, yêu cầu bồi hoàn giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu bị hại Nguyễn Thanh Nh, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn Tuấn A, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị P có yêu cầu.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; bị cáo Trần Thị Thu Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Quyền kháng cáo của bị cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, quyền kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

### Nơi nhận:

- . Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- . Viện kiểm sát nhân dân Tp.N;
- . Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- . Công an Tp.N; Cơ quan thi hành án hình sự;
- . Sở Tư pháp Khánh Hòa; Thi hành án dân sự Tp.N;
- . Bị cáo, đương sự;
- . Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trọng Rực**